

Bản án số: 378 / 2017/ HSST

Ngày 29 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quảng Thái, cán bộ hưu phòùng Gia Sàng, TP Thái Nguyên.

2. Ông Trần Xuân Việן, cán bộ UBND phòùng Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên

Đại diện Việן kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử 3, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 333/2017/HSST, ngày 23 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị Thu H (Bùi Thị H)**, sinh ngày: 15/6/1989.

Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã L, huyện Nì, tỉnh Bắc Cạn.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Bùi Xuân T, sinh năm 1960; con bà: Phạm Thị V, sinh năm 1960; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai;

Có chồng là Lê Văn C, sinh năm 1971; có 02 con, con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 01.

+ Tại bản án số 11/2017/ HSST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã xử phạt H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/7/2017 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

Ông Doãn Quang T, sinh năm: 1958;

Trú tại: Tổ x, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Doãn Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Cạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Bùi Thị Thu H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/6/2017, Bùi Thị Thu H đi bộ 1 mình từ bên xe khách Thái Nguyên mới đến quán điện thoại Quang T thuộc tổ x, phường Đ, phố T để mua thẻ điện thoại. Khi H vào quán thì gặp ông Doãn Quang T là chủ quán. H mua thẻ điện thoại và nói chuyện với ông T. Trong khi nói chuyện H nhìn thấy 01 điện thoại HTC One M8 màu vàng đồng đang sạc pin để trên ghế cách chỗ H ngồi khoảng 1m. H lợi dụng ông T sơ hở trong việc quản lý chiếc điện thoại nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, H lén lút lại gần và dùng tay phải rút chiếc điện thoại ra khỏi dây sạc và cất vào túi quần phía trước. Sau đó H trả 20.000đ tiền thẻ điện thoại rồi đi khỏi quán. Khoảng 5 phút sau ông T phát hiện mất điện thoại, xác định H là người trộm cắp điện thoại nên đã đi tìm H nhưng không thấy.

Sau khi ra khỏi quán, H kiểm tra điện thoại thấy tắt nguồn, H bấm nút nguồn thì thấy màn hình sáng nhưng không mở được ứng dụng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H đã đem chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại ở công bến xe khách Bắc Kạn vụ bán cho chị Doãn Thị T với giá 200.000đ và đã tiêu sài hết. Khi bán điện thoại H không nói cho chị T biết đó là tài sản do H trộm cắp. Khoảng 9 giờ 00 phút ngày 03/7/2017, khi phát hiện H đang ở bến xe khách Thái Nguyên thì ông T giữ H lại và trình báo Công an phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên đề nghị giải quyết.

Ngày 04/7/2017 chị T tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan điều tra.

Tại kết luận số 219/HĐĐGTS, ngày 07/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Nguyên xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M8 màu vàng đồng đã qua sử dụng, Moldel: OP6B700, số 990004994449696 có giá trị là 200.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra Bùi Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng của vụ án: đã được trả lại cho người bị hại.

Tại bản cáo trạng số 352/ KSDT – KT, ngày 21/8/ 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Bùi Thị Thu H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận: do không có tiền tiêu xài cá nhân nên thấy tài sản để sơ hở, không có ai quan sát nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để lấy tiền tiêu xài. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến gì và nhất trí với giá trị tài sản do cơ quan chuyên môn đã định giá.

Người bị hại Doãn Quang T đã nhận lại tài sản và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.200.000đ vì chiếc điện thoại bị hỏng không sử dụng được. Chị Doãn Thị T không yêu cầu H phải trả lại số tiền trên .

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bùi Thị Thu H từ 9 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự chuyển 12 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 11/2017/ HSST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thành 12 tháng tù giam. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Phần dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho ông Doãn Quang T số tiền 200.000đ.

- Áp dụng điều 99 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm đoàn tụ cùng gia đình.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

XÉT THÁY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Bùi Thị Thu H (Bùi Thị H) thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội do bị cáo đã thực hiện. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24/6/2017, tại cửa hàng điện thoại Quang T thuộc khu vực tổ x, phường Đ, thành phố T, Bùi Thị Thu H đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC One M8 màu vàng đồng đã qua sử dụng có giá trị 200.000đ của ông Doãn Quang T. Sau đó H đã bán chiếc điện thoại trên cho chị Doãn Thị T với giá 200.000đ. Như vậy, với hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác có giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng tuy nhiên bị cáo đã bị kết án về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xoá án tích nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật

Điều 138 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt, hoặc đã bị kết

án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nói chung và trong địa bàn thành phố Tnói riêng nên cần có hình phạt tương xứng với tội trạng của bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau: Bị cáo H đã có tiền án, tại Bản án số 11/HSST ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, 24 tháng thử thách về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội trong thời gian thử thách điều đó chứng tỏ rằng bị cáo có ý thức coi thường pháp luật. Thấy cần có một mức án phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhằm đảm bảo công tác giáo dục bị cáo thành người lương thiện và răn đe phòng ngừa chung. Trong vụ án này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là phạm tội gây thiệt hại không lớn, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm g, p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xét nhân thân và điều kiện kinh tế của bị cáo, HĐXX miễn không áp dụng hình phạt bổ sung tại khoản 5 Điều 138 BLHS đối với bị cáo.

Đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: người bị hại Doãn Quang T yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 3.200.000đ với lý do sau khi nhận lại chiếc điện thoại đã bị hỏng không sử dụng được. Tuy nhiên giá trị chiếc điện thoại bị cáo H chiếm đoạt theo định giá của cơ quan chuyên môn là 200.000đ nên chỉ có căn cứ buộc bị cáo H bồi thường số tiền 200.000đ.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Thu H(Bùi Thị H) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

1. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H(Bùi Thị H) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2017.

- Áp dụng khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự chuyển 12 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 11/2017 ngày 19/01/2017 của Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên thành 12 tháng tù giam. Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 21(hai mươi một) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (05/7/2017).

- Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ Điều 228 BLTTHS quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- Về dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 589, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Doãn Quang T số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo H không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi xuất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Căn cứ Điều 99 BLTTHS; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- *VKS nhân dân TPTN;*
- *Công an TP Thái Nguyên;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh TN;*
- *Bị cáo;*

- *Chi cục THA dân sự TPTN;*
- *Toà án Tỉnh TN;*

- *Lưu.*

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hà